

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Báo cáo tình hình tài chính	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	13-28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán SmartInvest (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Chứng khoán SmartInvest được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico (trước đây là Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Anh) theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 45/GPĐC-UBCK ngày 19/10/2015, thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103015026, đăng ký lần đầu ngày 13/12/2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động kinh doanh số 38/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/GPĐC-UBCK ngày 12/10/2016 Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 07/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Minh Tuấn	Chủ tịch	
Bà Ngô Thị Thùy Linh	Thành viên	Miễn nhiệm 25/05/2017
Ông Nguyễn Đức Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm 26/05/2017
Ông Nguyễn Thành Đạt	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Ngô Thị Thùy Linh	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 07/03/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty cổ phần Chứng khoán SmartInvest đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt,

phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thùy Linh



Số: 547/BCKT-TC/AVA

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình

P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 4) 3868 9566 / (+84 4) 3868 9588

Fax: (+84 4) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Chứng khoán SmartInvest**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Chứng khoán SmartInvest, được lập ngày 12/07/2017, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán SmartInvest chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán SmartInvest tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán SmartInvest cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và một số vấn đề cần nhấn mạnh (liên quan tới việc sử dụng vốn đầu tư cổ phiếu, mua sắm tài sản, đặt cọc cho nhà cung cấp) đối với báo cáo tài chính này tại ngày 17/01/2017.



Ngô Quang Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số

0448-2014-126-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A	B	C	1	2
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		171.121.908.680	145.700.299.858
I. Tài sản tài chính	110		170.228.344.079	112.276.205.624
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1.1.1	136.991.519.879	110.974.705.624
1.1. Tiền	111.1		136.991.519.879	110.974.705.624
2. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	V.1.1.2.(1)	32.857.133.000	-
3. Trả trước cho người bán	118		33.000.000	-
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.1.1.3	346.691.200	1.301.500.000
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		893.564.601	33.424.094.234
1. Tạm ứng	131		245.867.255	-
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.1.1.4	163.499.091	200.544.950
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	V.1.1.9	106.010.100	106.010.100
4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		378.188.155	260.406.184
5. Tài sản ngắn hạn khác	137	V.1.1.10	-	32.857.133.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250-260)	200		128.326.490.932	160.389.002.409
I. Tài sản cố định	220		80.017.928.077	82.223.034.379
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.1.1.6	4.793.011.410	5.066.867.712
- Nguyên giá	222		5.325.256.458	5.325.256.458
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(532.245.048)	(258.388.746)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.1.1.7	75.224.916.667	77.156.166.667
- Nguyên giá	228		77.336.000.000	77.336.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(2.111.083.333)	(179.833.333)
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		2.815.612.800	2.815.612.800
III. Tài sản dài hạn khác	250		45.492.950.055	75.350.355.230
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.1.1.9	44.250.000.000	74.250.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.1.1.4	1.122.950.055	1.100.355.230
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.1.1.5	120.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		299.448.399.612	306.089.302.267

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A	B	C	1	2
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		1.903.655.281	3.696.209.389
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.903.655.281	3.696.209.389
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.1.1.13	642.098.340	856.300.465
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		287.000.000	191.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.1.1.11	63.919.639	58.510.809
4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		147.732.563	33.713.875
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.1.1.12	162.904.739	56.184.240
6. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328	V.1.1.14	600.000.000	2.500.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		297.544.744.331	302.393.092.878
I. Vốn chủ sở hữu	410		297.544.744.331	302.393.092.878
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		310.000.000.000	310.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		310.000.000.000	310.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		310.000.000.000	310.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.1.1.16	(12.455.255.669)	(7.606.907.122)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(12.455.255.669)	(7.606.907.122)
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)	440		299.448.399.612	306.089.302.267

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

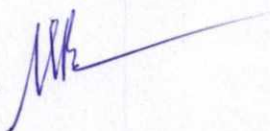
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A	B	C	1	2
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	V.1.1.18.(1)	14.285.710.000	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.1.1.18.(2)	68.300.000.000	-
1.1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		21.300.000.000	-
1.2. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		47.000.000.000	-
2. Tiền gửi của khách hàng	026	V.1.1.18.(3)	600.227	-
2.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		600.227	-
3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.1.1.18.(4)	600.227	-
3.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		600.227	-

Người lập biểu



Vũ Thị Bích

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Minh

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thùy Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
A	B	C	1	2
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		2.191.200	-
1.2. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		280.000.000	162.000.000
Cộng doanh thu hoạt động (20=01→11)	20		282.191.200	162.000.000
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Chi phí hoạt động tự doanh	26		50.508.563	-
2.2. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		2.117.124.417	-
2.3. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành CK	28		13.266.406	-
2.4. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		83.155.879	27.413.400
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		10.324.451	-
2.6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		220.802.749	-
Cộng chi phí hoạt động (40=21→32)	40		2.495.182.465	27.413.400
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		V.2.2.1		
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		11.140.422	47.140
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=41→44)	50		11.140.422	47.140
IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	V.2.2.2	2.646.497.672	235.648.073
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-61-62)	70		(4.848.348.515)	(101.014.333)
VI. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
6.1. Thu nhập khác	71	V.2.2.3	-	114.813.414
6.2. Chi phí khác	72		32	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80		(32)	114.813.414
VII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	90		(4.848.348.547)	13.799.081
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(4.848.348.547)	13.799.081
VIII. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	V.2.2.4	-	2.156.828
8.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	2.156.828
IX. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	200		(4.848.348.547)	11.642.253
X. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN (300=200+100)	300			
XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
11.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	V.2.2.5	(156)	5

Người lập biểu

Vũ Thị Bích

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Minh

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thùy Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(4.848.348.547)	13.799.081
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		2.193.965.880	36.865.538
- Khấu hao TSCĐ	03		2.205.106.302	36.912.678
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(11.140.422)	(47.140)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		28.660.056.500	3.706.384.861
- (Tăng), giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		(32.857.133.000)	-
- (Tăng), giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		954.808.800	378.200.000
- (Tăng), giảm các khoản phải thu khác	39		(33.000.000)	3.801.009.760
- (Tăng), giảm các tài sản khác	40		32.373.483.774	(154.012.255)
- Tăng, (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		106.720.499	-
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	42		14.451.034	(278.452.023)
- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán	45		(118.702.125)	(2.000.000)
- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		114.018.688	-
- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		5.408.830	(55.813.414)
- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		-	17.452.793
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		30.000.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(1.900.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		26.005.673.833	3.757.049.480
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		-	(4.429.405.277)
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		11.140.422	47.140
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		11.140.422	(4.429.358.137)
III. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		26.016.814.255	(672.308.657)
IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		110.974.705.624	4.677.747.363
- Tiền	101.1		110.974.705.624	4.677.747.363
V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103		136.991.519.879	4.005.438.706
- Tiền	103.1		136.991.519.879	4.005.438.706

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(tiếp theo)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09		600.227	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		600.227	-
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		600.227	-

Người lập biểu



Vũ Thị Bích

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Minh

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



 Ngô Thị Thùy Linh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2016	01/01/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017		30/06/2016	30/06/2017
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu									
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		22.000.000.000	310.000.000.000	-	-	-	-	22.000.000.000	310.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	V.1.1.42	(7.617.399.260)	(7.606.907.122)	11.642.253	-	(4.848.348.547)	-	(7.605.757.007)	(12.455.255.669)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(7.617.399.260)	(7.606.907.122)	11.642.253	-	(4.848.348.547)		(7.605.757.007)	(12.455.255.669)
Tổng cộng		14.382.600.740	302.393.092.878	11.642.253	-	(4.848.348.547)	-	14.394.242.993	297.544.744.331

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Bích

Nguyễn Thanh Minh



Ngô Thị Thùy Linh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty

Công ty cổ phần Chứng khoán SmartInvest được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico (trước đây là Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Anh) theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 45/GPĐC-UBCK ngày 19/10/2015, thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103015026, đăng ký lần đầu ngày 13/12/2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động kinh doanh số 38/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/GPĐC-UBCK ngày 12/10/2016 Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 07/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngành nghề kinh doanh

- Lưu ký chứng khoán;
- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. Địa chỉ liên hệ của Công ty

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

3. Điều lệ Công ty ban hành ngày 25/05/2017.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động Công ty

- Quy mô vốn: Vốn điều lệ của Công ty là 310.000.000.000 đồng (Ba trăm mười tỷ đồng).
- Mục tiêu đầu tư: Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.
- Hạn chế đầu tư của CTCK: Áp dụng theo Thông tư 210/2012/TT-BTC ban hành ngày 30/11/2012 về Hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán (được trình bày tại các chi tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, cụ thể:

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Toàn bộ phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế và đánh giá lại cuối kỳ kế toán liên quan đến tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính của kỳ kế toán.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính

(a) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được trích lập khi Công ty phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật chứng khoán do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

(b) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng
- Đối với khoản đầu tư dài hạn khác: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 04 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải | 10 năm |
| - Phần mềm kế toán | 05 năm |
| - Phần mềm chứng khoán | 20 năm |

4. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty. Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**5.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về tài sản tài chính**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

(a) Phải thu bán các tài sản tài chính

Phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

(b) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

Phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

5.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán hàng hóa, dịch vụ

5.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
- Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
- Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
- Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
- Từ ba (03) năm trở lên	100%

6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

6.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

6.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

Phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

6.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

6.4. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản phải trả, phải nộp khác

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của CTCK

7.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

7.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận CTCK

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

(a) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận đã thực hiện

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

(b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

7.3. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận của CTCK: (Cho cổ đông hoặc thành viên góp vốn, các quỹ của CTCK)

Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của Pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các Pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, Điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

8. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập CTCK

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính**Doanh thu tài chính bao gồm:**

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay;
- Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý CTCK

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

12. Các nguyên tắc và chính sách kế toán khác**Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1.1. Tiền	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt tại quỹ	171.545.400	942.397.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	136.819.974.479	110.032.308.624
	136.991.519.879	110.974.705.624

1.2. Các loại tài sản tài chính

(1) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu Công ty cổ phần Bất động sản Liên kết Việt	32.857.133.000	32.857.133.000	-	-
	32.857.133.000	32.857.133.000	-	-

(2) Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (Đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối kỳ

Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính
Thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK

Các loại tài sản tài chính	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá trị thị trường hoặc		Giá trị đánh giá lại	Giá trị thị trường hoặc		Giá trị đánh giá lại
	Giá mua	giá trị kỳ này		Giá mua	giá trị kỳ này	
AFS	32.857.133.000	-	32.857.133.000	-	-	-
Cổ phiếu	32.857.133.000	-	32.857.133.000	-	-	-
Công ty cổ phần Bất động sản Liên kết Việt	32.857.133.000	-	32.857.133.000	-	-	-
	32.857.133.000	-	32.857.133.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt,

phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(*) Đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty không thu thập được giá chứng khoán thực tế trên thị trường nên chưa xác định chênh lệch tăng giảm.

1.3. Các khoản phải thu

	30/06/2017	01/01/2017
(1) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	346.691.200	1.301.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ môi trường đô thị Từ Liêm	-	44.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Ba Đình - ICT	-	440.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định	82.500.000	82.500.000
Công ty Cổ phần Du lịch Hà Thái	-	550.000.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội Kinh Bắc	185.000.000	185.000.000
Công ty CP ĐTPT Xây dựng và Thương mại Việt Nam (MBG)	77.000.000	-
Phí lưu ký chứng khoán	2.191.200	-
	346.691.200	1.301.500.000

1.4. Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn	163.499.091	200.544.950
Chi phí phần mềm phân bổ	5.024.250	15.072.750
Chi phí thuê văn phòng	142.069.971	185.246.393
Chi phí khác	16.404.870	225.807
(b) Chi phí trả trước dài hạn	1.122.950.055	1.100.355.230
Công cụ dụng cụ	540.261.131	625.756.513
Chi phí sửa chữa lắp đặt văn phòng	506.827.974	474.598.717
Chi phí khác	75.860.950	-
	1.286.449.146	1.300.900.180

1.5. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	-
	120.000.000	-

1.6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số dư 01/01/2017	4.429.521.362	895.735.096	5.325.256.458
Số dư 30/06/2017	4.429.521.362	895.735.096	5.325.256.458

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt,

phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư 01/01/2017

258.388.746

-

258.388.746

Khấu hao trong kỳ

221.476.068

52.380.234

273.856.302

Số dư 30/06/2017**479.864.814****52.380.234****532.245.048****Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2017

4.171.132.616

895.735.096

5.066.867.712

Tại ngày 30/06/2017

3.949.656.548**843.354.862****4.793.011.410****1.7. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình****Khoản mục****Phần mềm****Nguyên giá**

Số dư 01/01/2017

77.336.000.000

Số dư 30/06/2017**77.336.000.000****Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư 01/01/2017

179.833.333

Khấu hao trong kỳ

1.931.250.000

Số dư 30/06/2017**2.111.083.333****Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2017

77.156.166.667

Tại ngày 30/06/2017

75.224.916.667

(*) Trong đó nguyên giá Phần mềm giao dịch chứng khoán mua của Công ty cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam là 77,130 tỷ VND.

1.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**30/06/2017****01/01/2017**

Mua sắm tài sản (i)

2.815.612.800

2.815.612.800

2.815.612.800**2.815.612.800**

(i) Giá trị máy móc thiết bị mua từ năm 2009 để phục vụ mở trung tâm giao dịch chứng khoán theo Hợp đồng kinh tế Cung cấp và triển khai thiết bị công nghệ thông tin số 02/122009/GIA ANH/FISBank ngày 04/12/2009 giữa Công ty cổ phần chứng khoán Gia Anh (nay là Công ty cổ phần chứng khoán SmartInvest) với Công ty TNHH Hệ thống thông tin Ngân hàng Tài chính FPT. Các tài sản này đã được bên bán xuất hóa đơn vào năm 2010, hiện chưa được lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu bàn giao và đang được gửi tại kho của Công ty TNHH Hệ thống thông tin Ngân hàng Tài chính FPT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt,

phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1.9. Các tài sản đã cầm cố, thế chấp

	Mục đích	30/06/2017	01/01/2017
(a)	Ngắn hạn	106.010.100	106.010.100
	Đặt cọc thuê văn phòng tại số 2A, Đại cồ Việt cho Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Bình	106.010.100	106.010.100
(b)	Dài hạn	44.250.000.000	74.250.000.000
	Đặt cọc thuê văn phòng (i)	44.250.000.000	74.250.000.000
		44.356.010.100	74.356.010.100

(i) Là khoản đặt cọc thuê văn phòng làm việc theo Hợp đồng đặt cọc quyền thuê văn phòng số 2009/2016/HĐDC-SI ngày 13/10/2016 với Công ty TNHH Xây dựng Ba Đình - ICT. Tổng diện tích thuê: 1.289m²; địa chỉ thuê: số 19 Lê Thanh Nghị, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội; giá thuê văn phòng: 400.019 VND/m²/tháng; thời hạn thuê: 40 năm kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng thuê văn phòng. Khoản đặt cọc để đảm bảo ký kết Hợp đồng thuê văn phòng dự kiến vào tháng 01/2018. Số tiền đặt cọc tương ứng với thời hạn thuê văn phòng trong vòng 144 tháng (12 năm).

Ngày 24/01/2017, theo thỏa thuận giữa hai bên tại Phụ lục hợp đồng đặt cọc quyền thuê văn phòng số 01/2009/2016/HĐDC- SI ngày 24/01/2017, Công ty TNHH Xây dựng Ba Đình - ICT đã trả lại 30 tỷ VND phần tiền đặt cọc thuê văn phòng.

1.10. Tài sản khác

	30/06/2017	01/01/2017
(a)		
Ngắn hạn	-	32.857.133.000
Tài sản ngắn hạn khác (i)	-	32.857.133.000
	-	32.857.133.000

(i) Là khoản đầu tư cổ phần Công ty cổ phần Công nghiệp Việt Nam Liên kết (nay là Công ty cổ phần Bất động sản Liên kết Việt), số lượng 1.428.571 cổ phần, thông qua mua lại 1.000.000 cổ phần của ông Nguyễn Quang Lộc và 428.571 cổ phần của Ông Nguyễn Vũ Hoàng, giá mua 23.000VND/ 1 cổ phần. Đến thời điểm 31/12/2016, thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất.

1.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2017	01/01/2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.510.809	58.510.809
Thuế thu nhập cá nhân	5.408.830	-
	63.919.639	58.510.809

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt,

phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1.12. Chi phí phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
(a) Ngắn hạn	162.904.739	56.184.240
Chi phí đường truyền, trang web	5.000.000	-
Trích trước chi phí điện nước	121.565.305	56.184.240
Chi phí kiểm toán 2017	30.000.000	-
Chi phí điện thoại cố định	1.542.131	-
Chi phí mạng văn phòng	3.318.636	-
Phí lưu ký chứng khoán T06/2017	1.478.667	-
	162.904.739	56.184.240

1.13. Phải trả người bán

	30/06/2017	01/01/2017
(a) Ngắn hạn	642.098.340	856.300.465
Cty TNHH Xây dựng phát triển thương mại Nam Hưng	22.063.410	22.063.410
Công ty cổ phần tập đoàn Thái Bình	51.415.005	51.415.005
Cty lắp mạng ANTEC	-	157.223.500
Điều hòa Dương Văn Long	-	78.300.000
Công ty CP NTC Thương mại và Du lịch Quốc Tế	-	-
CT TNHH Hệ thống thông tin NH	542.298.550	542.298.550
Công ty Phần mềm kế toán Cyber	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH văn phòng phẩm Quỳnh Phương	5.414.500	-
Công ty Luật TNHH Galaxy	4.400.000	-
Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Lợi Đồng	3.800.000	-
Ban khách hàng Tổ chức-DNghiệp-CNhánh TCT DV Viễn Thông	7.706.875	-
	642.098.340	856.300.465

1.14. Nhận ký quỹ, ký cược

	30/06/2017	01/01/2017
(a) Ngắn hạn	600.000.000	2.500.000.000
Phải trả Đinh Thị Hiền (i)	600.000.000	2.500.000.000
	600.000.000	2.500.000.000

(i) Số dư tại 30/06/2017 là khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn theo Hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán số 02/2017/TVĐT-SiSi ngày 08/03/2017 và Phụ lục số 03 thuộc hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán số 02/2017/TVĐT-SiSi ngày 09/06/2017.

1.15. Vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Cổ đông pháp nhân	-	-	-	-
Cổ đông khác	100,00	310.000.000.000	100,00	310.000.000.000
Cộng	100,00	310.000.000.000	100,00	310.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt,

phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1.16. Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối

Lợi nhuận chưa thực hiện

30/06/2017**01/01/2017**

(12.455.255.669)

(7.606.907.122)

-

-

(12.455.255.669)**(7.606.907.122)****1.17. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước (kỳ trước)

Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay (kỳ này) tính từ đầu kỳ

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm (cuối kỳ)

**Từ 01/01/2017
đến 30/06/2017****Từ 01/01/2016
đến 30/06/2016**

(7.605.757.007)

(7.617.399.260)

(4.848.348.547)

11.642.253

(12.454.105.554)

(7.605.757.007)

1.18. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính**(1) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK****30/06/2017****01/01/2017**

Cổ phiếu Công ty cổ phần Bất động sản Liên kết Việt

14.285.710.000

-

14.285.710.000**-****(2) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư****30/06/2017****01/01/2017**

Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng

21.300.000.000

-

Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng

47.000.000.000

-

68.300.000.000**-****(3) Tiền gửi của Nhà đầu tư****30/06/2017****01/01/2017**

Tiền gửi của Nhà đầu tư về hoạt động môi giới chứng khoán

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

600.227

-

600.227**-****(4) Phải trả Nhà đầu tư****30/06/2017****01/01/2017**

Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

Của Nhà đầu tư trong nước

600.227

600.227**-**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt,

phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

2.1. Doanh thu hoạt động tài chính

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
---------------------------------	---------------------------------

Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.140.422	47.140
-------------------------------------	------------	--------

11.140.422	47.140
------------	--------

2.2. Chi phí quản lý CTCK

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
---------------------------------	---------------------------------

Chi phí lương và các khoản khác theo lương	411.488.635	118.645.000
--	-------------	-------------

BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	105.473.500	26.101.900
------------------------	-------------	------------

Chi phí công cụ, dụng cụ	89.786.600	5.139.785
--------------------------	------------	-----------

Chi phí khấu hao TSCĐ	298.269.849	36.912.678
-----------------------	-------------	------------

Chi phí thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
-----------------------------	---	-----------

Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.400.000	45.848.710
---------------------------	------------	------------

Chi phí khác	1.707.079.088	-
--------------	---------------	---

2.646.497.672	235.648.073
---------------	-------------

2.3. Thu nhập khác

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
---------------------------------	---------------------------------

Lãi thanh lý TSCĐ	-	90.000.000
-------------------	---	------------

Chênh lệch số dư thuế phải nộp	-	24.813.414
--------------------------------	---	------------

-	114.813.414
---	-------------

2.4. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
---------------------------------	---------------------------------

Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(4.848.348.547)	13.799.081
--	-----------------	------------

Các khoản điều chỉnh tăng	23.579.345	23.579.345
---------------------------	------------	------------

Các khoản điều chỉnh giảm ()	-	(26.594.288)
-------------------------------	---	--------------

Thu nhập chịu thuế TNDN	(4.824.769.202)	10.784.138
-------------------------	-----------------	------------

Chi phí thuế thu nhập CTCK tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	2.156.828
---	---	-----------

Tổng chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành	-	2.156.828
---	---	-----------

2.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
---------------------------------	---------------------------------

Lợi nhuận thuần sau thuế	(4.848.348.547)	11.642.253
--------------------------	-----------------	------------

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(4.848.348.547)	11.642.253
--	-----------------	------------

Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	31.000.000	2.200.000
--	------------	-----------

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(156)	5
--------------------------	-------	---

3. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**3.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

3.2. Thông tin về các bên liên quan**(a) Thông tin về các bên liên quan****Các bên liên quan**

Ông Nguyễn Quang Lộc
Công ty cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam
Công ty TNHH Xây dựng Ba Đình - ICT

Mối quan hệ

Cổ đông
Giám đốc là cổ đông của Công ty
Tổng Giám đốc là cổ đông của Công ty

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau

Nội dung giao dịch

**Từ 01/01/2017
đến 30/06/2017**

**Từ 01/01/2016
đến 30/06/2016**

Công ty TNHH Xây dựng Ba Đình - ICT hoàn trả một phần tiền đặt cọc thuê văn phòng

30.000.000.000

-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

**Từ 01/01/2017
đến 30/06/2017**

**Từ 01/01/2016
đến 30/06/2016**

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban TGD

80.062.500

73.705.000

(c) Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

30/06/2017

01/01/2017

Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

Công ty TNHH Xây dựng Ba Đình - ICT

44.250.000.000

74.250.000.000

3.3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.4. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Báo cáo soát xét về báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu

Vũ Thị Bích

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Minh

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thùy Linh

T.N.H.H. I.O.M.